

MÔI TRƯỜNG - SINH THÁI

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH ƯƠNG GIỐNG TẠI CHỖ VÀ NUÔI XEN GHÉP CÁC ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ Ở HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Tôn Thất Chất, Nguyễn Thị Thúy Hằng*
Nguyễn Viết Mạnh, Phan Thế Hữu Tô*****

I. Mở đầu

Những năm gần đây do biến động của môi trường, dịch bệnh xuất hiện trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, nhiều hình thức nuôi mới được áp dụng nhằm hạn chế rủi ro, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống cho người dân. Nuôi xen ghép là một trong những hình thức nuôi mới được áp dụng ở Thừa Thiên Huế. Ở huyện Phú Vang, nuôi xen ghép chiếm diện tích tương đối lớn 1.448,8ha (cao triều 362,2ha, hạ triều 631,4ha, chấn sáo 455,2ha) và xu hướng ngày càng gia tăng (năm 2012, tăng 412ha so với năm 2010). Huyện Phú Vang đã chủ trương chuyển đổi 836ha diện tích mặt nước sang nuôi xen ghép.

Trong khuôn khổ dự án xây dựng mô hình và ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn và miền núi giai đoạn từ 2010 đến 2015, chúng tôi đã tiến hành điều tra tình hình nuôi xen ghép các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế trên 14 xã, thị trấn thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm xác định hiện trạng, góp phần phát triển mô hình đạt hiệu quả cao, bền vững, có thể nhân rộng ở nhiều địa phương trong tỉnh.

II. Phương pháp nghiên cứu

- Công cụ điều tra: Phiếu hỏi (32 chỉ tiêu).
- Địa bàn điều tra: 14 xã, thị trấn thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số lượng phiếu điều tra: 140 phiếu (10 phiếu/xã, thị trấn).
- Thời gian điều tra: Từ tháng 5/2012 đến tháng 7/2012.
- Phương pháp thực hiện: Điều tra, phỏng vấn trực tiếp các hộ nông-ngư dân có nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi xen ghép nói riêng.

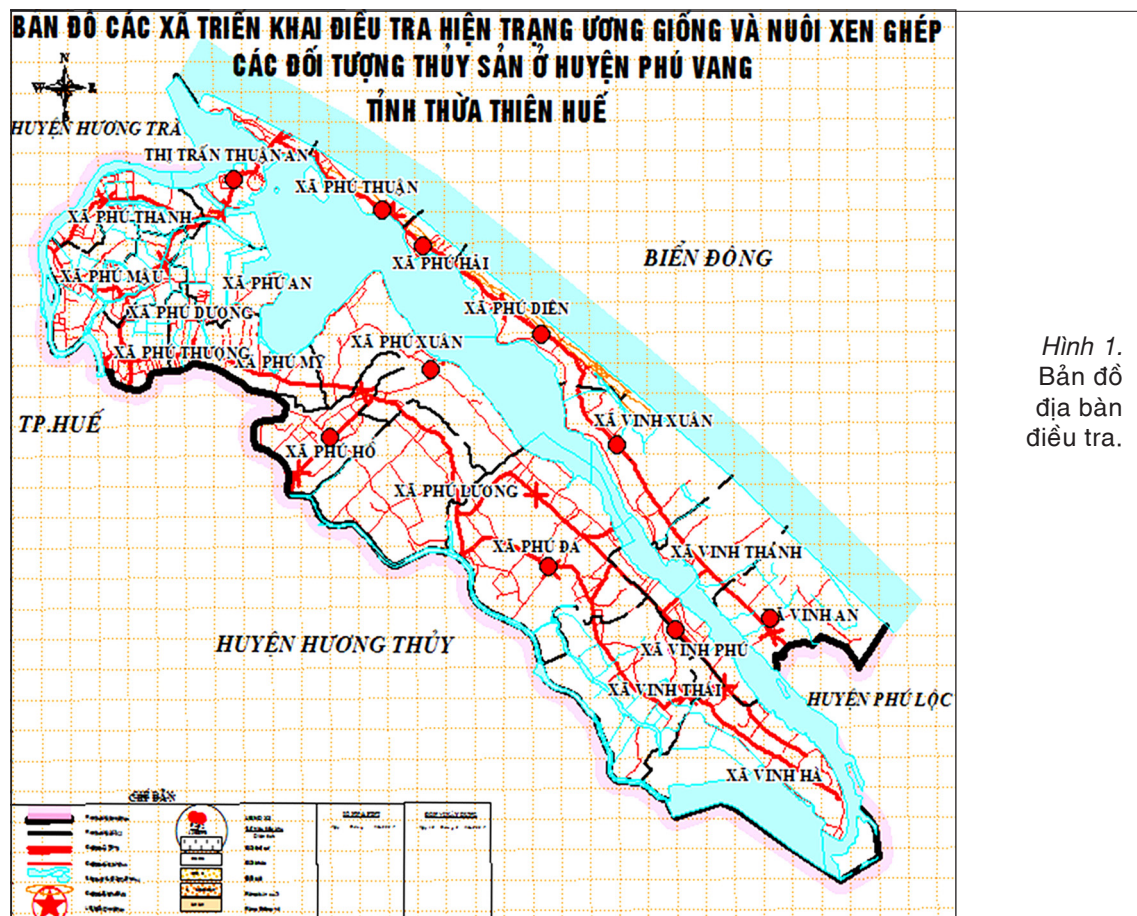
III. Kết quả nghiên cứu

1. Xây dựng bản đồ vị trí địa bàn điều tra ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

* Trường Đại học Nông Lâm-Đại học Huế.

** Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Trường Cao đẳng Sư phạm Huế.



2. Diện tích nuôi xen ghép

Bảng 1. Diện tích nuôi xen ghép ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

TT	Địa phương	Tổng diện tích (ha)	Trong đó		
			Cao triều	Hạ triều	Chấn sáo
1	Thuận An	300,0	38,0	144,0	118,0
2	Phú Thuận	55,2	-	55,2	-
3	Phú Hải	10,9	5,4	5,5	-
4	Phú Diên	33,0	-	33,0	-
5	Vinh Xuân	64,0	30,0	34,0	-
6	Vinh Thanh	13,7	12,0	1,7	-
7	Vinh An	13,4	10,7	2,7	-
8	Vinh Phú	20,0	10,0	10,0	-
9	Vinh Hà	132,7	-	132,7	-
10	Phú Đa	66,0	28,6	37,4	-
11	Phú Xuân	268,2	206,8	61,4	-
12	Phú Mỹ	213,8	15,1	11,7	187,0
13	Phú An	249,9	5,6	94,1	150,2
14	Phú Thanh	8,0	-	8,0	-
Tổng cộng		1.448,8	362,2	631,4	455,2

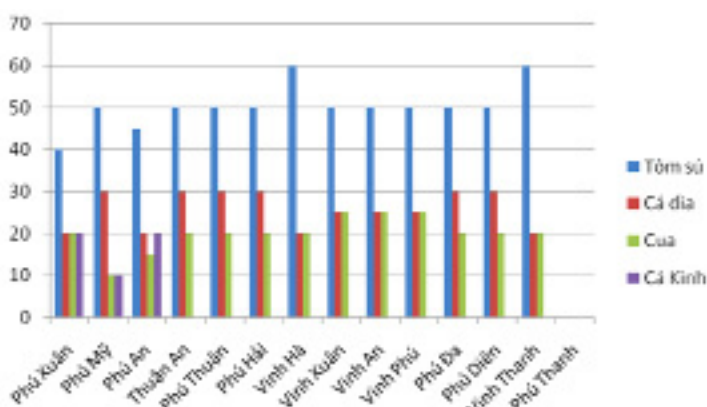
(Nguồn: Kết quả điều tra và tổng hợp của nhóm nghiên cứu năm 2012)

Diện tích nuôi xen ghép tập trung ở 5 xã, thị trấn Phú Xuân, Thuận An, Phú An, Phú Mỹ, Vinh Hà chiếm tỷ lệ 84%; nhỏ nhất ở Phú Thanh (0,6%) với mô hình nuôi ghép các đối tượng thủy sản nước ngọt, không nuôi ghép các đối tượng mặn lợ vì đây là xã có thế mạnh về thuần nông; 8 xã còn lại diện tích dao động từ 20-70ha chiếm gần 20%.

Diện tích ao nuôi tại 14 xã và thị trấn điều tra dao động từ 300-7.000m². Các xã Vinh Phú, Vinh An, Phú Xuân, Phú An, Phú Thuận, Vinh Hà có diện tích ao nuôi rất lớn, trung bình từ 4.000 đến 7.500m². Ba xã Phú Mỹ, Phú Đa và Phú An diện tích ao nuôi không đồng bộ, chênh lệch lớn, có hộ diện tích ao chỉ 300m² nhưng có hộ diện tích ao đến 5.000m².

Xã Phú Thanh không có diện tích ao nuôi các đối tượng thủy sản mặn lợ. Vinh Hà và Phú Xuân có diện tích ao nuôi tương đối đồng đều, số hộ có diện tích ao từ 2.000-3.000m² ít, chủ yếu các ao có diện tích trên 3.000m². Ví dụ ở Vinh Hà diện tích ao nuôi 300-2.000m² có 1/10 hộ điều tra (10%), 2.100-3.000m² có 2/10 hộ (20%) và ao trên 3.000m² là 7/10 hộ (70%). Xã Phú Xuân 100% các hộ nuôi xen ghép được điều tra có diện tích ao trên 3.000m².

3. Đối tượng nuôi xen ghép



Hình 2. Các đối tượng nuôi xen ghép tại các xã được điều tra ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

thể thu vớt tự nhiên hay mua ở các cơ sở ương giống tại địa phương. Mặt khác, tôm sú, cá diêu, cá kinh, cua xanh nằm trong lưới thức ăn chung của các hồ, ao nhằm tận dụng hết lượng thức ăn dư thừa, có lợi cho sự sống của các loài trong ao và làm sạch hệ sinh thái vùng.

Cách đây 10 năm, người dân chỉ nuôi một đối tượng như tôm sú, tôm rằn, hay cá diêu, cá kinh. Riêng thị trấn Thuận An có sự kết hợp các đối tượng nuôi như tôm với cá diêu hoặc cá kinh.

4. Hình thức, mật độ, mùa vụ nuôi

Đa số các hộ chuyển từ nuôi đơn tôm sú sang nuôi xen ghép tôm sú với các loại cá và rong câu, trong đó tôm sú được chọn là đối tượng nuôi chính. Mật độ nuôi của các loài dao động từ 4-6con/m². Tôm sú thường được nuôi với mật độ cao hơn các loài cá.

Kết quả điều tra cho thấy sự lựa chọn các đối tượng nuôi chênh lệch lớn về tỷ lệ, gần 100% hộ nuôi chọn tôm sú làm đối tượng nuôi chính. Các đối tượng khác (cá diêu, cá kinh, cua xanh) cũng được người nuôi lựa chọn để nuôi xen ghép. Bởi vì, nông-ngư dân đã có kinh nghiệm nuôi các đối tượng này, tập tính sống của chúng phù hợp với đặc điểm sinh thái vùng nuôi, nguồn giống có

Trình độ nuôi của người dân không cao, tỷ lệ nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến 84/140 hộ chiếm 60%, nuôi quảng canh 56/140 hộ chiếm 40%.

Phần lớn các hộ thả nuôi 1 vụ/năm, đa số thả tôm sú là đối tượng chính ở cả cao triều lẫn thấp triều, các đối tượng khác thả và thu tỉa quanh năm.

Bảng 2. Hình thức, mật độ nuôi ở các xã điều tra thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hạng mục	Số ao	Tỷ lệ (%)
Mô hình nuôi đang áp dụng		
- Nuôi đơn	0	0
- Nuôi ghép	140	100
- Cả hai	0	0
Loài nuôi ghép		
- Cá kinh, tôm sú, cua xanh	19	14
- Tôm sú, cá dìa, cua xanh	85	61
- Tôm sú, cá kinh, cá dìa	36	25
Mật độ thả nuôi ghép (con/m ²)		
- 4	85	61
- 6	55	39

(Nguồn: Kết quả điều tra các hộ năm 2012)

5. Kỹ thuật nuôi

5.1. Cải tạo ao

Công tác cải tạo ao chưa đảm bảo đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật, đa số các ao nuôi xen ghép là tận dụng các ao nuôi tôm sú không thành công, bị dịch bệnh. Qua điều tra cho thấy, một số xã nuôi chấn sáo, tận dụng diện tích ao hồ tự nhiên thường không cải tạo ao vì diện tích lớn, chi phí cao, trình độ nuôi thấp.

Một số ao có gây màu nước nhưng phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên nên thường xảy ra dịch bệnh. Một số xã nuôi theo hình thức ao chấn, nguồn nước lấy từ đầm phá với độ mặn, nhạt khác nhau, sau khi lấy nước chỉ xử lý tại ao nuôi.

Bảng 3. Tỷ lệ % số hộ điều tra thực hiện quy trình kỹ thuật cải tạo ao ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các bước trong quy trình cải tạo ao		Số hộ thực hiện	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)
Cải tạo ao	Không	0	0
	Có	140	100
Vét bùn đáy	Không	0	0
	Có	140	100
Xử lý ao	Không	0	0
	Có	140	100
Gây màu nước	Không	0	0
	Có	140	100

(Nguồn: Kết quả điều tra các hộ năm 2012)

Bảng 4. Nguồn nước cấp và chất lượng nước các xã điều tra thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Các chỉ tiêu	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Nguồn nước cấp		
- Chung	140	100,0
- Riêng	0	0,0
Chất lượng nước cung cấp cho ao nuôi		
- Tốt	20	14,0
- Xấu	40	28,0
- Trung bình	80	58,0

(Nguồn: Kết quả điều tra các hộ năm 2012)

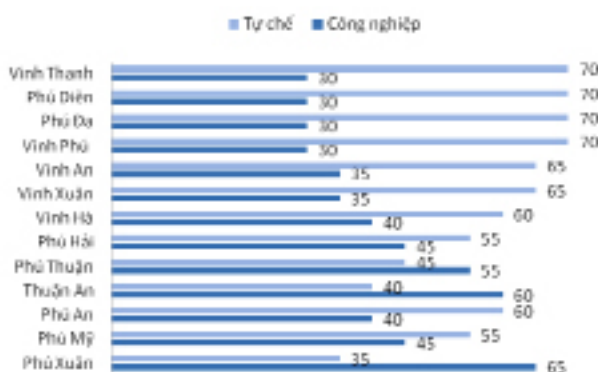
Như vậy, 100% số hộ có ao nuôi sử dụng chung nguồn nước cấp từ đầm phá và nước từ ao nuôi thải trực tiếp ra sông và đầm phá. Vì vậy nếu nguồn nước chung bị ô nhiễm, mang mầm bệnh, chứa các chất gây hại sẽ ảnh hưởng đến các đối tượng nuôi thủy sản trên diện rộng và nguy cơ lây lan nhanh. Tuy nhiên, tùy mùa vụ, chất lượng nước và kinh nghiệm để người dân lựa chọn nguồn nước cấp có chất lượng tốt nhất phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.

5.2. Con giống

Giống được mua từ nhiều nguồn khác nhau (thị trấn Thuận An, các trại tôm giống ở Phú Thuận, thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng). Người dân chưa chủ động nguồn giống, chưa có phương pháp lựa chọn các đối tượng nuôi, chủ yếu chọn theo kinh nghiệm và theo mùa vụ xuất hiện của các đối tượng.

Đa số ngư dân nuôi nhiều đối tượng trên một ao, có sử dụng ao chuyên dụng để ương giống. Các xã Phú An, Phú Mỹ, Vinh Hà, Vinh An... luôn sử dụng ao riêng để ương nuôi các giống tôm và cá bột trước khi nuôi thương phẩm. Các đối tượng được người dân chọn ương là tôm sú, cá dìa, cua xanh, cá kình. Đây là những đối tượng mang lại hiệu quả kinh tế, ổn định, tính thích nghi cao, phù hợp với kinh nghiệm và khả năng của người dân.

5.3. Thức ăn



Hình 3. Các loại thức ăn được sử dụng trong nuôi xen ghép ở các xã điều tra thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người dân sử dụng đồng thời cả hai loại thức ăn: công nghiệp và tự chế, kết hợp với tận dụng các loài rong cỏ, mùn bã hữu cơ trong ao nuôi.

100% hộ nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp và một phần thức ăn tươi (cá tươi, rong tảo...). Đa số người dân tận dụng nguồn thức ăn sẵn có của tự nhiên, nên lượng thức ăn thừa rất hạn chế, điều này rất tốt cho môi trường nước ao nuôi. Các chủ ao nuôi tôm cho biết loại thức

ăn sử dụng phổ biến là Unilog, Grobest... Giai đoạn đầu, tôm còn nhỏ sử dụng thức ăn tự chế, sau đó thay đổi khẩu phần ăn sang thức ăn công nghiệp và thức ăn tươi sống theo tốc độ tăng trưởng của tôm sú. Người nuôi theo dõi tốc độ tăng trưởng dựa vào việc đặt sào ăn và quan sát tôm hàng ngày.

Số lần cho ăn đối với tôm sú phổ biến 1-2 lần/ngày với phương thức rải đều khắp ao, có sử dụng sào ăn để kiểm tra lượng thức ăn dư thừa, giúp điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp, 100% số hộ nuôi có kiểm tra lượng thức ăn thừa sau khi cho tôm cá ăn.

Công tác quản lý ao nuôi được người nuôi thực hiện nhưng chưa đồng bộ, chất lượng nước ao nuôi là một vấn đề quan trọng nhưng người nuôi chưa quan tâm. Các hộ nuôi ít kiểm tra tốc độ sinh trưởng, chủ yếu chỉ nhận định tốc độ tăng trưởng bằng cảm quan qua theo dõi hàng ngày.

Bảng 5. Các biện pháp quản lý ao nuôi được thực hiện ở các xã điều tra thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hạng mục	Số ao	Tỷ lệ (%)	Hạng mục	Số ao	Tỷ lệ (%)
Kiểm tra sinh trưởng	140	40	Kiểm tra thức ăn thừa	140	95
Thay nước trong quá trình nuôi	140	30	Kiểm tra các yếu tố môi trường	140	100
Tần suất thay nước			Các yếu tố kiểm tra		
- Không quy định	140	100	+ pH	140	30
Lượng nước thay			+ độ kiềm	0	0
- 10 - 20%	140	0	+ NH ₃ , H ₂ S	0	0
- 20 - 30%	140	0	+ DO	0	0
- > 30%	140	0	+ Độ mặn	140	100
			+ Nhiệt độ	140	100

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2012)

5.4. Thu hoạch

100% hộ tiến hành thu hoạch theo hai cách: thu toàn bộ và đánh tĩa thả bù. Dụng cụ thu hoạch chủ yếu bằng lờ, xiếc. Nguồn tiêu thụ chủ yếu bán cho thương lái tại ao, hay tiêu thụ ở chợ địa phương. Hiện nay nhu cầu của thị trường nội địa với tôm sú không lớn do sự cạnh tranh của tôm chân trắng và các loài khác. Lợi tức thu được từ mô hình nuôi xen ghép không lớn như nuôi đơn tôm sú nhưng ổn định, phù hợp với khả năng đầu tư của người dân, ít rủi ro.

IV. Kết luận

Trên 14 xã, thị trấn được điều tra, trừ Phú Thanh là xã hoạt động chủ yếu bằng nông nghiệp và nuôi xen ghép thủy sản nước ngọt, 13 xã và thị trấn còn lại đều triển khai mô hình nuôi xen ghép, mạnh nhất ở Phú Xuân, Thuận An, Phú An, Phú Mỹ, Vinh Hà chiếm đến 84% diện tích.

Người nuôi đều thừa nhận, mô hình nuôi xen ghép đem lại hiệu quả kinh tế không cao như nuôi chuyên tôm sú nhưng ổn định, ít dịch bệnh, có ý nghĩa cải thiện môi trường, tạo thu nhập thường xuyên cho các hộ.

T T C - N T T H - N V M - P T H T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Thất Chất. “Báo cáo điều tra tình hình nuôi trồng thủy sản tại tỉnh Thừa Thiên Huế”, 2009.
2. Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thanh Phương. *Giáo trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển*, Đại học Cần Thơ, 2008.
3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. “Báo cáo kết quả rà soát lại diện tích, hình thức nuôi để xây dựng kế hoạch nuôi trồng thủy sản năm 2010-2012 hiệu quả và bền vững”.
4. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình nuôi trồng thủy sản 2000-2005 và giải pháp thực hiện đến năm 2010”.

TÓM TẮT

Nuôi xen ghép các đối tượng thủy sản chiếm diện tích tương đối lớn (1.448,8ha) và ngày càng phát triển ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả điều tra 140 hộ cho thấy: Diện tích nuôi xen ghép tập trung ở Phú Xuân, Thuận An, Phú An, Phú Mỹ, Vinh Hà (chiếm 84%). Diện tích ao nuôi dao động từ 300-7.000m²; Đối tượng nuôi ghép là tôm sú, cá dìa, cá kình, cua xanh, rô phi, rong câu... Mật độ nuôi dao động từ 4-6 con/m². Có 60% hộ nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến và 40% hộ nuôi quảng canh. Nguồn giống mua chủ yếu ở Thuận An, Phú Thuận (huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế) và Đà Nẵng. 100% hộ nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp (Unilog, Grobest) và một phần thức ăn tươi (cá tươi, rong tảo...). Mô hình nuôi xen ghép đem lại hiệu quả kinh tế ổn định, ít dịch bệnh, có ý nghĩa cải thiện môi trường, tạo thu nhập thường xuyên cho các hộ.

ABSTRACT

RESULTS OF SURVEYING THE STATUS OF FINGERLING NURSERY AND POLYCULTURE OF VALUABLE FISH SPECIES IN PHÚ VANG DISTRICT, THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

The polyculture of fisheries species covers a relatively large area (1,448.8ha) and is being quickly developed in Phú Vang District, Thừa Thiên Huế Province. The results of the survey show that the polyculture area concentrates mainly in Phú Xuân, Thuận An, Phú An, Phú Mỹ and Vinh Hà (accounting for 36%). The pond area ranges between 300 and 7,000m². The species for polyculture include giant tiger prawn (tôm sú), orange and white-spot rabbit fish (cá dìa, cá kình), green crabs (cua xanh), tilapia (cá rô phi), gracilaria (rau câu), and others. The culture density ranges between 4 and 6 units/m². Sixty percent of the households are applying the progressive extensive culture and 40% applying extensive culture. Fingerling sources come from Thuận An, Phú Thuận (Phú Vang District, Thừa Thiên Huế Province); and Đà Nẵng City. All households use industrial feed (Uni, Grobest) and part of fresh feed (trash fish, seaweed, etc.). The polyculture has proved its economic efficiency and generated stable income for aquaculturists. This type of aquaculture is also less vulnerable to diseases and friendly to the environment.